TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 179/2024/QĐST-HNGĐ	*Hạ Long, ngày 16 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212; Điều 213; khoản 2 Điều 149 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54; 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 182/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Vũ Văn T, sinh năm 1998; nơi thường trú: tổ C, khu M, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Chị Trần Thu T1, sinh năm 2004; nơi thường trú: tổ B, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ngày 21/3/2022, anh Vũ Văn T và chị Trần Thu T1 đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị T1 chung sống hoà thuận hạnh phúc, đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, hai bên không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, bất hoà. Mâu thuẫn đã được hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh T, chị T1 đã sống ly thân, không thể

đoàn tụ được với nhau. Nay anh T và chị T1 xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long giải quyết việc dân sự, về việc: Công nhận thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là phù hợp, nên cần ghi nhận.

[2] Về con chung: anh Vũ Văn T và chị Trần Thu T1 có 01 con chung là Vũ Mai Huyền A, sinh ngày 02/01/2022. Hai đương sự cùng thống nhất sau khi ly hôn anh Vũ Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Mai Huyền A cho đến khi đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh T, chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: anh Vũ Văn T và chị Trần Thu T1 tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về khoản nợ chung: anh Vũ Văn T và chị Trần Thu T1 xác nhận không có khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: anh Vũ Văn T và chị Trần Thu T1 thoả thuận thống nhất: anh T sẽ chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Vũ Văn T và chị Trần Thu T1 được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn T và chị Trần Thu T1.

- Về con chung: anh Vũ Văn T được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Mai Huyền A, sinh ngày 02/01/2022 cho đến khi con chung Vũ Mai Huyền A đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh T, chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: anh Vũ Văn T và chị Trần Thu T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: không có.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Vũ Văn T tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn)

đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh T đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001071 ngày 02/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
-VKSND tp Hạ Long;
- Chi cục THADS tp Hạ Long;
- UBND phường Đại Yên, tp Hạ Long;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Ngọc An